TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 07-6-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Long Châu
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Chi
Bà Nguyễn Thị Hồng Tư

- Thư ký phiên tòa: Bà Đồng Thị Kim Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Không tham gia.

Ngày 07 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 176/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2023 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Vũ Văn T **(**Vu Van T1**),** sinh năm 1958.
Địa chỉ: D O, NSW 2161, Australia.
- *Bị đơn:* Bà Vũ Thị Bích L, sinh năm 1973.
Địa chỉ: Số A, Quốc lộ A, tổ F, thôn A, ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.
(Ông Vũ Văn T và bà Vũ Thị Bích L có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, đơn xin vắng mặt và bản tự khai (đã được hợp pháp hóa lãnh sự), nguyên đơn ông Vũ Văn T (Vu Van T1) trình bày:

Ông và bà Vũ Thị Bích L đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Đ, Việt Nam trên cơ sở tự nguyện; được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 357/UBT ngày 23/5/2013, vào Sổ đăng ký kết hôn số 503, Quyển số 03/2013 ngày 29/7/2013. Sau khi đăng ký kết hôn, ông phải trở về Australia (Úc) để tiếp tục công việc. Ông đã làm hồ sơ bảo lãnh cho bà L sang Úc để vợ chồng đoàn tụ, chung sống với nhau, nhưng hồ sơ xin thị thực định cư úc của bà L bị từ chối. Do khoảng cách địa lý, vợ chồng ông cho không có điều kiện sống gần nhau để vun đắp tình cảm; công việc của ông rất bận nên không sắp xếp được thời gian về Việt Nam thăm bà L. Bà L cũng không có ý định sang Úc đoàn tụ với ông. Vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và đã không còn liên lạc với nhau khoảng 05 năm trở lại đây. Nhận thấy tình cảm vợ chồng

không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ không có, nên ông yêu cầu được ly hôn với bà L.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì công việc bận rộn và khoảng cách địa lý khó có thể về Việt Nam trong suốt quá trình giải quyết vụ kiện ly hôn, nên ông xin được vắng mặt tại phiên tòa các buổi làm việc, hòa giải và xét xử của Tòa án.

- Theo Đơn xin vắng mặt ngày 02/02/20224 và Bản tự khai, bị đơn bà Vũ Thị Bích L trình bày:

Bà và ông Vũ Văn T (Vu Van T1) đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Đ, Việt Nam. Sau khi kết hôn, ông T trở về Australia (Úc), bà và ông T đã cùng nhau làm thủ tục để bảo lãnh bà qua Úc đoàn tụ với ông T, nhưng hồ sơ xin thị thực định cư Úc của bà bị từ chối. Vì vậy, vợ chồng bà không có cơ hội ở gần nhau, vun đắp tình cảm. Ông T rất bận rộn, không có thời gian về Việt Nam thăm bà nên bà không còn muốn sang Úc định cư cùng ông T nữa, vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn và không còn liên lạc với nhau khoảng 06 năm trở lại đây. Nay khả năng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đồng ý với yêu cầu ly hôn của ông T và xin được vắng mặt trong các buổi làm việc, hòa giải, xét xử của Tòa án.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại thời điểm nộp đơn xin ly hôn, ông Vũ Văn T (Vu Van T1) đang sống và có quốc tịch Australia (Úc), nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai theo điểm a khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Ông Vũ Văn T (Vu Van T1) và bà Vũ Thị Bích L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đơn của ông Vũ Văn T (V) đã được chứng thực hợp pháp. Căn cứ các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Vũ Văn T (Vu Van T1) và bà Vũ Thị Bích L tự nguyện kết hôn với nhau, được Ủy ban nhân dân tỉnh Đ, Việt Nam cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 357/UBT ngày 23/5/2013, vào Sổ đăng ký kết hôn số 503, Quyển số 03/2023 ngày 29/7/2013 nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Hiện ông T và bà L không chung sống với nhau, quan hệ tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ. Ông T khởi kiện xin ly hôn với bà L và bà L cũng có ý kiến thống nhất với yêu cầu ly hôn của ông T. Theo Điều 56 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho ông T được ly hôn với bà L.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông Vũ Văn T (Vu Van T1) và bà Vũ Thị Bích L trình bày không có và không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về án phí: Ông Vũ Văn T (Vu Van T1) phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 37, 147, 227, 228, 238, 469, 470, 474, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 123, 124, 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn T (Vu Van T1) về việc "Ly hôn".

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Vũ Văn T (Vu Van T1) được ly hôn với bà Vũ Thị Bích L.
- Về con chung: Không xem xét, giải quyết.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.
- Về án phí: Ông Vũ Văn T (Vu Van T1) phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu số 0002437 ngày 13/11/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai được tính trừ vào án phí sơ thẩm ông T phải chịu. Ông T đã nộp xong tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Bà Vũ Thị Bích L được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày; ông Vũ Văn T (Vu Van T1) được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- UBND tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Long Châu